

UBND TỈNH SÓC TRĂNG
SỞ LAO ĐỘNG – THƯƠNG BINH
VÀ XÃ HỘI

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: /SLĐTBXH-LĐTLBHXH
V/v hướng dẫn thực hiện các chính sách hỗ trợ người lao động và người sử dụng lao động gặp khó khăn do đại dịch Covid-19 trên địa bàn tỉnh

Sóc Trăng, ngày tháng 7 năm 2021

Kính gửi:

- Các sở, ban, ngành tỉnh;
- Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố, tỉnh Sóc Trăng.

Căn cứ Nghị quyết số 68/NQ-CP ngày 01/7/2021 của Chính phủ về một số biện pháp hỗ trợ người lao động và người sử dụng lao động gặp khó khăn do đại dịch Covid-19;

Căn cứ Quyết định số 23/2021/QĐ-TTg ngày 07/7/2021 của Thủ tướng Chính phủ về việc thực hiện một số chính sách hỗ trợ người lao động và người sử dụng lao động gặp khó khăn do đại dịch Covid-19;

Thực hiện Kế hoạch số 111/KH-UBND ngày 15/7/2021 của Ủy ban nhân dân tỉnh Sóc Trăng về việc triển khai thực hiện các chính sách hỗ trợ người lao động và người sử dụng lao động gặp khó khăn do đại dịch Covid-19 trên địa bàn tỉnh Sóc Trăng,

Sở Lao động – Thương binh và Xã hội xây dựng hướng dẫn về đối tượng, định mức, hồ sơ, thủ tục, thời gian thực hiện các chính sách hỗ trợ người lao động và người sử dụng lao động gặp khó khăn do đại dịch Covid-19, trên địa bàn tỉnh Sóc Trăng, cụ thể như sau:

1. Giảm mức đóng bảo hiểm tai nạn lao động, bệnh nghề nghiệp

a) Đối tượng hỗ trợ

- Người sử dụng lao động đóng vào Quỹ bảo hiểm tai nạn lao động, bệnh nghề nghiệp cho người lao động thuộc đối tượng áp dụng chế độ bảo hiểm tai nạn lao động, bệnh nghề nghiệp theo quy định của pháp luật về bảo hiểm xã hội và pháp luật về an toàn, vệ sinh lao động (trừ cán bộ, công chức, viên chức, người thuộc lực lượng vũ trang nhân dân, người lao động trong các cơ quan của Đảng, Nhà nước, cơ quan hành chính, đơn vị sự nghiệp công lập được hưởng lương từ ngân sách nhà nước).

- Người sử dụng lao động hỗ trợ toàn bộ số tiền có được từ việc giảm đóng vào Quỹ bảo hiểm tai nạn lao động, bệnh nghề nghiệp cho người lao động phòng, chống Covid-19.

b) Mức đóng và thời gian áp dụng mức đóng vào Quỹ bảo hiểm tai nạn lao động, bệnh nghề nghiệp

- **Mức đóng:** Bằng 0% quỹ tiền lương làm căn cứ đóng bảo hiểm xã hội.
- **Thời gian áp dụng:** 12 tháng, từ ngày 01 tháng 7 năm 2021 đến hết ngày 30 tháng 6 năm 2022.

c) Cơ quan thực hiện

- Cơ quan chủ trì: Bảo hiểm xã hội tỉnh.
- Cơ quan phối hợp: Sở Lao động - Thương binh và Xã hội và các đơn vị có liên quan.

2. Hỗ trợ người lao động và người sử dụng lao động tạm dừng đóng vào quỹ hưu trí và tử tuất

a) Đối tượng hỗ trợ

Người lao động và người sử dụng lao động thuộc đối tượng tham gia bảo hiểm xã hội bắt buộc theo quy định tại Điều 2 Luật Bảo hiểm xã hội.

b) Điều kiện hỗ trợ

- Người sử dụng lao động đã đóng đủ bảo hiểm xã hội hoặc đang tạm dừng đóng vào Quỹ hưu trí và tử tuất đến hết tháng 4 năm 2021 mà bị ảnh hưởng bởi đại dịch Covid-19 dẫn đến phải giảm từ 15% lao động tham gia bảo hiểm xã hội trở lên tại thời điểm có văn bản đề nghị so với thời điểm tháng 4 năm 2021. Số lao động tham gia bảo hiểm xã hội tính giảm bao gồm:

+ Số lao động chấm dứt hợp đồng lao động, hợp đồng làm việc theo quy định của pháp luật trừ đi số lao động mới giao kết hợp đồng lao động, hợp đồng làm việc trong khoảng thời gian từ ngày 01 tháng 5 năm 2021 đến ngày người sử dụng lao động có văn bản đề nghị.

+ Số lao động đang tạm hoãn thực hiện hợp đồng lao động mà thời gian tạm hoãn thực hiện hợp đồng lao động từ 14 ngày làm việc trở lên trong tháng;

+ Số lao động đang nghỉ việc không hưởng tiền lương mà thời gian nghỉ việc không hưởng tiền lương từ 14 ngày làm việc trở lên trong tháng;

+ Số lao động đang ngừng việc mà thời gian ngừng việc từ 14 ngày làm việc trở lên trong tháng.

- Số lao động tham gia bảo hiểm xã hội tính giảm, chỉ bao gồm người làm việc theo hợp đồng làm việc, hợp đồng lao động không xác định thời hạn, hợp đồng lao động xác định thời hạn từ đủ 01 tháng trở lên; người quản lý doanh nghiệp, người quản lý điều hành hợp tác xã có hưởng tiền lương.

c) Thời gian tạm dừng đóng vào quỹ hưu trí và tử tuất

- Người lao động và người sử dụng lao động đủ điều kiện theo quy định tại Điều 5 Quyết định này được tạm dừng đóng vào quỹ hưu trí và tử tuất 6 tháng tính từ tháng người sử dụng lao động nộp hồ sơ đề nghị.

- Đối với trường hợp đã được giải quyết tạm dừng đóng vào quỹ hưu trí và tử tuất theo Nghị quyết số 42/NQ-CP ngày 09 tháng 4 năm 2020 và Nghị quyết số 154/NQ-CP ngày 19 tháng 10 năm 2020 của Chính phủ, nếu đủ điều kiện và được giải quyết tạm dừng đóng vào quỹ hưu trí và tử tuất theo quy định tại Quyết định số 23/2021/QĐ-TTg thì tổng thời gian tạm dừng đóng vào quỹ hưu trí và tử tuất do bị ảnh hưởng bởi đại dịch Covid-19 không quá 12 tháng.

d) Đóng bù vào quỹ hưu trí và tử tuất

- Hết thời gian tạm dừng đóng quy định, người lao động và người sử dụng lao động tiếp tục đóng vào quỹ hưu trí và tử tuất và đóng bù cho thời gian tạm dừng đóng (đối với cả người lao động ngừng việc hưởng tiền lương theo Điều 99 Bộ luật Lao động), số tiền đóng bù không phải tính lãi chậm đóng theo quy định tại khoản 3 Điều 122 Luật Bảo hiểm xã hội.

- Kể từ thời điểm kết thúc thời gian được tạm dừng đóng vào quỹ hưu trí và tử tuất, nếu người sử dụng lao động không thực hiện việc đóng bù cho thời gian tạm dừng đóng thì thực hiện theo quy định tại khoản 3 Điều 122 Luật Bảo hiểm xã hội.

- Trong thời gian tạm dừng đóng vào quỹ hưu trí và tử tuất, người lao động đủ điều kiện hưởng chế độ hưu trí, chế độ tử tuất hoặc chấm dứt hợp đồng lao động thì người sử dụng lao động và người lao động thực hiện đóng bù cho thời gian tạm dừng đóng để giải quyết chế độ cho người lao động.

e) Trình tự, thủ tục thực hiện

- Trong thời gian từ ngày kế hoạch này có hiệu lực thi hành đến hết ngày 30 tháng 6 năm 2022, người sử dụng lao động nộp văn bản đề nghị (theo Mẫu số 1 kèm theo Quyết định số 23/2021/QĐ-TTg) gửi cho cơ quan bảo hiểm xã hội nơi đang tham gia bảo hiểm xã hội, đồng thời gửi 01 bản cho Sở Lao động - Thương binh và Xã hội để theo dõi, giám sát.

- Trong 05 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được hồ sơ đề nghị của người sử dụng lao động, cơ quan bảo hiểm xã hội có trách nhiệm xem xét, giải quyết tạm dừng đóng vào quỹ hưu trí và tử tuất; trường hợp không giải quyết thì trả lời bằng văn bản và nêu rõ lý do.

- Các trường hợp đề nghị tạm dừng đóng vào quỹ hưu trí và tử tuất theo quy định tại Điều 16 Nghị định số 115/2015/NĐ-CP ngày 11/11/2015 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo hiểm xã hội về bảo hiểm xã hội bắt buộc thì trình tự, thủ tục thực hiện theo quy định tại Thông tư số 59/2015/TT-BLĐTBXH ngày 29/12/2015 của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Bảo hiểm xã hội về bảo hiểm xã hội bắt buộc.

f) Cơ quan thực hiện

- Cơ quan chủ trì: Bảo hiểm xã hội tỉnh.
- Cơ quan phối hợp: Sở Lao động - Thương binh và Xã hội và các cơ quan có liên quan.

(Trong quá trình triển khai thực hiện địa phương, đơn vị có khó khăn, vướng mắc liên hệ cơ quan Bảo hiểm xã hội nơi làm việc để được hướng dẫn, riêng thành phố Sóc Trăng thì liên hệ cơ quan Bảo hiểm xã hội tỉnh).

3. Hỗ trợ người sử dụng lao động đào tạo, bồi dưỡng, nâng cao trình độ kỹ năng nghề để duy trì việc làm cho người lao động

a) Đối tượng và điều kiện hỗ trợ

Người sử dụng lao động theo quy định tại khoản 3 Điều 43 Luật Việc làm nộp hồ sơ đề nghị hỗ trợ trong thời gian từ ngày 01/7/2021 đến hết ngày 30/6/2022 được hỗ trợ khi có đủ các điều kiện sau:

- Đóng đủ bảo hiểm thất nghiệp cho người lao động thuộc đối tượng tham gia bảo hiểm thất nghiệp từ đủ 12 tháng trở lên tính đến thời điểm đề nghị hỗ trợ.
- Phải thay đổi cơ cấu, công nghệ theo quy định tại khoản 1 Điều 42 Bộ luật Lao động. Có doanh thu của quý liền kề trước thời điểm đề nghị hỗ trợ giảm từ 10% trở lên so với cùng kỳ năm 2019 hoặc năm 2020.
- Có phương án hoặc phối hợp với cơ sở giáo dục nghề nghiệp có phương án đào tạo, bồi dưỡng, nâng cao trình độ kỹ năng nghề để duy trì việc làm cho người lao động (theo Mẫu số 02 ban hành kèm theo Quyết định số 23/2021/QĐ-TTg).

b) Mức, thời gian hỗ trợ và phương thức chi trả

- **Mức hỗ trợ:** Kinh phí đào tạo, bồi dưỡng, nâng cao trình độ kỹ năng nghề tối đa 1.500.000 đồng/người lao động/tháng. Mức hỗ trợ cụ thể được tính theo tháng, thời gian học thực tế của từng nghề hoặc từng khóa học.

Trường hợp khóa đào tạo, bồi dưỡng, nâng cao trình độ kỹ năng nghề có những ngày lễ không đủ tháng thì được tính theo nguyên tắc: Dưới 15 ngày tính là 1/2 tháng, từ đủ 15 ngày trở lên tính là 01 tháng để xác định mức hỗ trợ kinh phí đào tạo, bồi dưỡng, nâng cao trình độ kỹ năng nghề để duy trì việc làm cho người lao động.

Đối với khóa đào tạo, bồi dưỡng, nâng cao trình độ kỹ năng nghề có mức chi phí cao hơn mức hỗ trợ theo quy định tại khoản này thì phần vượt quá mức hỗ trợ do người sử dụng lao động tự chi trả.

- **Thời gian hỗ trợ:** Tối đa 06 tháng.

- **Phương thức chi trả:** Chi trả trực tiếp cho người sử dụng lao động theo phương án hỗ trợ đào tạo, bồi dưỡng, nâng cao trình độ kỹ năng nghề được phê duyệt.

c) Hồ sơ đề nghị

- Văn bản đề nghị hỗ trợ kinh phí đào tạo, bồi dưỡng, nâng cao trình độ kỹ năng nghề để duy trì việc làm cho người lao động và kê khai về doanh thu của quý liền kề trước thời điểm đề nghị hỗ trợ giảm từ 10% trở lên so với cùng kỳ năm 2019 hoặc năm 2020 theo Mẫu số 03 ban hành kèm theo Quyết định số 23/2021/QĐ-TTg.

- Văn bản của người sử dụng lao động về việc thay đổi cơ cấu, công nghệ.
- Phương án đào tạo, bồi dưỡng, nâng cao trình độ kỹ năng nghề để duy trì việc làm theo quy định.
- Xác nhận của cơ quan bảo hiểm xã hội về việc người sử dụng lao động đóng đủ bảo hiểm thất nghiệp cho người lao động thuộc đối tượng tham gia bảo hiểm thất nghiệp từ đủ 12 tháng trở lên.

d) Trình tự, thủ tục

- Người sử dụng lao động có nhu cầu hỗ trợ đào tạo, bồi dưỡng, nâng cao trình độ kỹ năng nghề để duy trì việc làm cho người lao động đề nghị cơ quan bảo hiểm xã hội nơi đang tham gia bảo hiểm xã hội xác nhận về việc đóng đủ bảo hiểm thất nghiệp theo quy định tại Quyết định số 23/2021/QĐ-TTg. Cơ quan Bảo hiểm xã hội xác nhận trong 02 ngày làm việc kể từ ngày nhận được đề nghị của người sử dụng lao động.

- Người sử dụng lao động nộp hồ sơ theo quy định tại Kế hoạch này gửi Sở Lao động - Thương binh và Xã hội.

- Trong 07 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ của người sử dụng lao động theo quy định, Sở Lao động - Thương binh và Xã hội xem xét, quyết định việc hỗ trợ (theo Mẫu số 04a kèm theo Quyết định số 23/2021/QĐ-TTg). Quyết định hỗ trợ gửi bản giấy và bản điện tử theo quy định đến: Cơ quan bảo hiểm xã hội cấp tỉnh để thực hiện chuyển kinh phí hỗ trợ, người sử dụng lao động để thực hiện, cơ sở thực hiện việc đào tạo. Trường hợp không hỗ trợ thì Sở Lao động - Thương binh và Xã hội trả lời bằng văn bản và nêu rõ lý do.

- Trong 03 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được quyết định hỗ trợ của Giám đốc Sở Lao động - Thương binh và Xã hội, cơ quan bảo hiểm xã hội cấp tỉnh chuyển một lần toàn bộ kinh phí hỗ trợ cho người sử dụng lao động.

- Trong 02 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được kinh phí hỗ trợ, người sử dụng lao động thực hiện việc chuyển kinh phí cho cơ sở thực hiện việc đào tạo theo phương án đã được phê duyệt.

- Trong 45 ngày kể từ ngày kết thúc việc đào tạo, người sử dụng lao động phải hoàn thành việc thanh quyết toán kinh phí với cơ sở thực hiện việc đào tạo theo thực tế và báo cáo kết quả thực hiện về Sở Lao động - Thương binh và Xã hội. Trong 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận được báo cáo kết quả thực hiện của người sử dụng lao động, Sở Lao động - Thương binh và Xã hội ban hành quyết định thu hồi kinh phí đào tạo còn dư (nếu có) gửi cơ quan bảo hiểm xã hội cấp tỉnh và người sử dụng lao động để thực hiện hoàn trả kinh phí về Quỹ bảo hiểm thất nghiệp theo Mẫu số 04b tại Quyết định số 23/2021/QĐ-TTg.

e) Cơ quan thực hiện

- Cơ quan chủ trì: Sở Lao động - Thương binh và Xã hội.
- Cơ quan phối hợp: Bảo hiểm xã hội tỉnh, Sở Giáo dục và Đào tạo, các cơ sở giáo dục nghề nghiệp trên địa bàn tỉnh và các cơ quan có liên quan.

(Trong quá trình triển khai thực hiện địa phương, đơn vị có khó khăn, vướng mắc thì liên hệ phòng LĐ-TB&XH, các cơ quan phối hợp cấp huyện hoặc Phòng dạy nghề (3627.988) Sở LĐ-TB&XH để được hướng dẫn).

4. Hỗ trợ người lao động tạm hoãn thực hiện hợp đồng lao động, nghỉ việc không hưởng lương

a) Đối tượng, điều kiện hỗ trợ

- Người lao động làm việc tại doanh nghiệp, hợp tác xã, đơn vị sự nghiệp công lập tự đảm bảo chi thường xuyên hoặc chi đầu tư và chi thường xuyên, cơ sở giáo dục dân lập, tư thục ở cấp giáo dục mầm non, mẫu giáo, tiểu học, trung học cơ sở, trung học phổ thông, giáo dục nghề nghiệp (sau đây gọi là doanh nghiệp, hợp tác xã, đơn vị sự nghiệp công lập, cơ sở giáo dục) phải tạm dừng hoạt động theo yêu cầu của cơ quan nhà nước có thẩm quyền để phòng, chống dịch Covid-19 được hỗ trợ khi đủ các điều kiện sau:

- Tạm hoãn thực hiện hợp đồng lao động, nghỉ việc không hưởng lương trong thời hạn của hợp đồng lao động, từ 15 ngày liên tục trở lên, tính từ ngày 01 tháng 5 năm 2021 đến hết ngày 31 tháng 12 năm 2021 và thời điểm bắt đầu tạm hoãn thực hiện hợp đồng lao động, nghỉ việc không hưởng lương từ ngày 01 tháng 5 năm 2021 đến ngày 31 tháng 12 năm 2021.

- Đang tham gia bảo hiểm xã hội bắt buộc tại tháng liền kề trước thời điểm người lao động tạm hoãn thực hiện hợp đồng lao động, nghỉ việc không hưởng lương.

b) Mức hỗ trợ và phương thức chi trả

- Mức hỗ trợ:

+ Hỗ trợ 1.855.000 đồng/người đối với người lao động tạm hoãn thực hiện hợp đồng lao động, nghỉ việc không hưởng lương từ 15 ngày liên tục trở lên đến dưới 01 tháng (30 ngày);

+ Hỗ trợ 3.710.000 đồng/người đối với người lao động tạm hoãn thực hiện hợp đồng lao động, nghỉ việc không hưởng lương từ 01 tháng (30 ngày) trở lên.

- Người lao động đang mang thai được hỗ trợ thêm 1.000.000 đồng/người; đang nuôi con đẻ hoặc con nuôi hoặc chăm sóc thay thế trẻ em chưa đủ 06 tuổi thì được hỗ trợ thêm 1.000.000 đồng/trẻ em chưa đủ 06 tuổi và chỉ hỗ trợ cho 01 người là mẹ hoặc cha hoặc người chăm sóc thay thế trẻ em.

- Phương thức chi trả: Trả 01 lần cho người lao động.

c) Hồ sơ đề nghị

- Bản sao văn bản thỏa thuận tạm hoãn thực hiện hợp đồng lao động, nghỉ việc không hưởng lương.

- Danh sách người lao động có xác nhận của cơ quan bảo hiểm xã hội (theo mẫu số 05 ban hành kèm theo Quyết định số 23/2021/QĐ-TTg).

- Bản sao có chứng thực hoặc bản sao kèm theo bản chính để đối chiếu một trong các giấy tờ sau: Giấy tờ chứng minh người lao động đang mang thai; Giấy khai sinh hoặc Giấy chứng sinh của trẻ em; Giấy chứng nhận nuôi con nuôi; Quyết định giao, nhận chăm sóc thay thế trẻ em của cơ quan có thẩm quyền đối với đối tượng được quy định tại Quyết định số 23/2021/QĐ-TTg.

d) Trình tự, thủ tục thực hiện

- Doanh nghiệp, hợp tác xã, đơn vị sự nghiệp công lập, cơ sở giáo dục đề nghị cơ quan bảo hiểm xã hội xác nhận người lao động đang tham gia bảo hiểm xã hội. Trong 02 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được đề nghị, cơ quan bảo hiểm xã hội xác nhận việc tham gia bảo hiểm xã hội của người lao động.

- Doanh nghiệp, hợp tác xã, đơn vị sự nghiệp công lập, cơ sở giáo dục gửi hồ sơ theo quy định tại Điều 15 Quyết định này đến Ủy ban nhân dân cấp huyện nơi đặt trụ sở chính. Thời hạn tiếp nhận hồ sơ chậm nhất đến hết ngày 31 tháng 01 năm 2022.

- Trong 02 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được đầy đủ hồ sơ, Ủy ban nhân dân cấp huyện thẩm định, trình Ủy ban nhân dân tỉnh.

- Trong 02 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ, Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành quyết định phê duyệt Danh sách và kinh phí hỗ trợ; đồng thời chỉ đạo thực hiện chi trả hỗ trợ. Trường hợp không phê duyệt, Ủy ban nhân dân tỉnh thông báo bằng văn bản và nêu rõ lý do.

e) Cơ quan thực hiện

- Cơ quan chủ trì: Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố.

- Cơ quan phối hợp: cơ quan Bảo hiểm xã hội, Sở Tài chính, Sở Y tế và các cơ quan có liên quan.

(Trong quá trình triển khai thực hiện địa phương, đơn vị có khó khăn, vướng mắc liên hệ Phòng LĐ-TB&X, các cơ quan phối hợp hoặc phòng LĐTLBHXH (3829.548) Sở LĐTB&XH để được hướng dẫn).

5. Hỗ trợ người lao động ngừng việc

a) Đối tượng, điều kiện hỗ trợ

- Người lao động làm việc theo chế độ hợp đồng lao động bị ngừng việc theo khoản 3 Điều 99 Bộ luật Lao động và thuộc đối tượng phải cách ly y tế hoặc trong các khu vực bị phong tỏa theo yêu cầu của cơ quan nhà nước có thẩm quyền từ 14 ngày trở lên trong thời gian từ ngày 01 tháng 5 năm 2021 đến hết ngày 31 tháng 12 năm 2021.

- Đang tham gia bảo hiểm xã hội bắt buộc tại tháng trước liền kề tháng mà người lao động ngừng việc theo khoản 3 Điều 99 Bộ luật Lao động.

b) Mức hỗ trợ và phương thức chi trả

- Mức hỗ trợ: 1.000.000 đồng/người.

- Người lao động đang mang thai được hỗ trợ thêm 1.000.000 đồng/người; đang nuôi con đẻ hoặc con nuôi hoặc chăm sóc thay thế trẻ em chưa đủ 06 tuổi được hỗ trợ thêm 1.000.000 đồng/trẻ em chưa đủ 06 tuổi và chỉ hỗ trợ cho 01 người là mẹ hoặc cha hoặc người chăm sóc thay thế trẻ em.

- Phương thức chi trả: Trả 01 lần cho người lao động.

c) Hồ sơ đề nghị

- Bản sao văn bản yêu cầu cách ly của cơ quan nhà nước có thẩm quyền để phòng, chống dịch Covid-19 trong thời gian từ ngày 01 tháng 5 năm 2021 đến hết ngày 31 tháng 12 năm 2021. Danh sách người lao động có xác nhận của cơ quan bảo hiểm xã hội (theo Mẫu số 06 kèm theo Quyết định số 23/2021/QĐ-TTg).

- Bản sao có chứng thực hoặc bản sao kèm theo bản chính để đối chiếu một trong các giấy tờ sau: Giấy tờ chứng minh người lao động đang mang thai; Giấy khai sinh hoặc Giấy chứng sinh của trẻ em; Giấy chứng nhận nuôi con nuôi; Quyết định giao, nhận chăm sóc thay thế trẻ em của cơ quan có thẩm quyền đối với đối tượng được quy định tại Quyết định số 23/2021/QĐ-TTg.

d) Trình tự, thủ tục thực hiện

- Người sử dụng lao động đề nghị cơ quan bảo hiểm xã hội xác nhận người lao động đang tham gia bảo hiểm xã hội. Trong 02 ngày làm việc kể từ ngày nhận được đề nghị, cơ quan bảo hiểm xã hội xác nhận việc tham gia bảo hiểm xã hội của người lao động.

- Người sử dụng lao động gửi hồ sơ theo quy định tại Điều 19 Quyết định số 23/2021/QĐ-TTg đến Ủy ban nhân dân cấp huyện nơi đặt trụ sở chính. Thời hạn tiếp nhận hồ sơ chậm nhất đến hết ngày 31 tháng 01 năm 2022.

- Trong 02 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được đầy đủ hồ sơ, Ủy ban nhân dân cấp huyện thẩm định, trình Ủy ban nhân dân tỉnh.

- Trong 02 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ, Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành quyết định phê duyệt Danh sách và kinh phí hỗ trợ; đồng thời chỉ đạo thực hiện chi trả hỗ trợ. Trường hợp không phê duyệt, Ủy ban nhân dân tỉnh thông báo bằng văn bản và nêu rõ lý do.

- Trong 02 ngày làm việc kể từ ngày nhận được kinh phí hỗ trợ của Ủy ban nhân dân tỉnh, người sử dụng lao động thực hiện chi trả cho người lao động.

e) Cơ quan thực hiện

- Cơ quan chủ trì: Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố.

- Cơ quan phối hợp: Bảo hiểm xã hội, Sở Tài chính, Sở Y tế và các cơ quan có liên quan.

6. Hỗ trợ người lao động chấm dứt hợp đồng lao động nhưng không đủ điều kiện hưởng trợ cấp thất nghiệp

a) Đối tượng, điều kiện hỗ trợ

Người lao động làm việc tại doanh nghiệp, hợp tác xã, đơn vị sự nghiệp công lập tự đảm bảo chi thường xuyên hoặc chi đầu tư và chi thường xuyên, cơ sở giáo dục dân lập, tư thục ở cấp giáo dục mầm non, mẫu giáo, tiểu học, trung học cơ sở, trung học phổ thông, giáo dục nghề nghiệp phải dừng hoạt động theo yêu cầu của cơ quan nhà nước có thẩm quyền để phòng, chống dịch Covid-19 trong thời gian từ ngày 01 tháng 5 năm 2021 đến hết ngày 31 tháng 12 năm 2021 được hỗ trợ khi có đủ các điều kiện sau:

- Đang tham gia bảo hiểm xã hội bắt buộc tại tháng liền kề trước thời điểm người lao động chấm dứt hợp đồng lao động.

- Chấm dứt hợp đồng lao động trong thời gian từ ngày 01 tháng 5 năm 2021 đến hết ngày 31 tháng 12 năm 2021 nhưng không đủ điều kiện hưởng trợ cấp thất nghiệp, trừ các trường hợp sau đây: Người lao động đơn phương chấm dứt hợp đồng lao động trái pháp luật; hưởng lương hưu, trợ cấp mất sức lao động hàng tháng.

b) Mức hỗ trợ và phương thức chi trả

- Mức hỗ trợ: 3.710.000 đồng/người.

- Người lao động đang mang thai được hỗ trợ thêm 1.000.000 đồng/người; người lao động đang nuôi con đẻ hoặc con nuôi hoặc chăm sóc thay thế trẻ em chưa đủ 06 tuổi được hỗ trợ thêm 1.000.000 đồng/trẻ em chưa đủ 06 tuổi và chỉ hỗ trợ cho 01 người là mẹ hoặc cha hoặc người chăm sóc thay thế trẻ em.

- Phương thức chi trả: Trả 01 lần cho người lao động.

c) Hồ sơ đề nghị hỗ trợ

- Đề nghị hỗ trợ (theo Mẫu số 07 kèm theo Quyết định số 23/2021/QĐ-TTg);

- Bản sao có chứng thực hoặc bản sao kèm theo bản chính để đối chiếu của một trong các giấy tờ sau: Hợp đồng lao động đã hết hạn hoặc đã hoàn thành công việc theo hợp đồng lao động; Quyết định thôi việc; thông báo hoặc thỏa thuận chấm dứt hợp đồng lao động.

- Bản sao Sổ bảo hiểm xã hội hoặc xác nhận của cơ quan bảo hiểm xã hội về việc tham gia bảo hiểm xã hội bắt buộc và bảo hiểm thất nghiệp.

- Bản sao có chứng thực hoặc bản sao kèm theo bản chính để đối chiếu một trong các giấy tờ sau: Giấy tờ chứng minh người lao động đang mang thai; Giấy khai sinh hoặc Giấy chứng sinh của trẻ em; Giấy chứng nhận nuôi con nuôi; Quyết định giao, nhận chăm sóc thay thế trẻ em của cơ quan có thẩm quyền đối với đối tượng được quy định tại Khoản 2 Điều 22 Quyết định số 23/2021/QĐ-TTg.

d) Trình tự, thủ tục thực hiện

- Người lao động có nhu cầu hỗ trợ gửi hồ sơ (theo mẫu số 07 ban hành kèm theo Quyết định số 23/2021/QĐ-TTg) đến Trung tâm Dịch vụ việc làm thuộc Sở Lao động - Thương binh và Xã hội nơi người lao động chấm dứt hợp đồng lao động. Thời hạn tiếp nhận hồ sơ chậm nhất đến hết ngày 31 tháng 01 năm 2022.

- Trước ngày 05 và ngày 20 hằng tháng, Trung tâm Dịch vụ việc làm rà soát, tổng hợp danh sách người lao động đủ điều kiện hỗ trợ trình Sở Lao động - Thương binh và Xã hội.

- Trong 02 ngày làm việc kể từ ngày nhận danh sách, Sở Lao động - Thương binh và Xã hội thẩm định, trình Ủy ban nhân dân tỉnh.

- Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt danh sách hỗ trợ; đồng thời chỉ đạo thực hiện chi trả hỗ trợ trong 03 ngày làm việc. Trường hợp không phê duyệt, Ủy ban nhân dân tỉnh trả lời bằng văn bản và nêu rõ lý do.

e) Cơ quan thực hiện

- Cơ quan chủ trì: Sở Lao động - Thương binh và Xã hội.

- Cơ quan phối hợp: Bảo hiểm xã hội, Sở Tài chính và các cơ quan có liên quan.

7. Chính sách hỗ trợ đối với trẻ em và người đang điều trị Covid-19, cách ly y tế

a) Đối tượng hỗ trợ

Trẻ em (người dưới 16 tuổi theo quy định của Luật trẻ em) và người điều trị do nhiễm Covid-19 (F0) hoặc cách ly y tế để phòng, chống Covid-19 (F1) theo quyết định của cơ quan có thẩm quyền.

b) Mức hỗ trợ, thời gian hỗ trợ

- Hỗ trợ tiền ăn mức 80.000 đồng/người/ngày đối với các trường hợp người điều trị nhiễm Covid-19 (F0), từ ngày 27 tháng 4 năm 2021 đến ngày 31 tháng 12 năm 2021, thời gian hỗ trợ theo thời gian điều trị thực tế thời gian hỗ trợ tối đa 45 ngày.

- Hỗ trợ tiền ăn mức 80.000 đồng/người/ngày đối với các trường hợp người thực hiện cách ly y tế (F1) theo quyết định của cơ quan có thẩm quyền, từ ngày 27 tháng 4 năm 2021 đến ngày 31 tháng 12 năm 2021, thời gian hỗ trợ tối đa 21 ngày.

- Đối với trẻ em trong thời gian điều trị do nhiễm Covid-19 hoặc cách ly y tế: được hỗ trợ thêm một lần mức 1.000.000 đồng/trẻ em. Ngân sách nhà nước đảm bảo chi phí đối với các chi phí ngoài phạm vi chi trả của bảo hiểm y tế và chi phí khám, chữa bệnh đối với trẻ em không có thẻ bảo hiểm y tế.

c) Hồ sơ

- Hồ sơ đề nghị hỗ trợ đối với các trường hợp F0 đang điều trị tại cơ sở y tế gồm: Danh sách F0 đủ điều kiện hưởng chính sách theo Mẫu số 8a Quyết định 23/2021/QĐ-TTg. Giấy ra viện điều trị do nhiễm Covid-19 của cơ sở khám bệnh, chữa bệnh theo quy định của pháp luật. Bản sao một trong các giấy tờ sau: Giấy chứng sinh, giấy khai sinh, hộ chiếu, chứng minh nhân dân, thẻ căn cước công dân, thẻ bảo hiểm y tế.

- Hồ sơ đề nghị hỗ trợ đối với các trường hợp F1 đang thực hiện cách ly y tế tại cơ sở cách ly gồm: Danh sách F1 đủ điều kiện hưởng chính sách theo Mẫu số

8a Quyết định 23/2021/QĐ-TTg; Quyết định của cơ quan có thẩm quyền về việc cách ly y tế; Bản sao một trong các giấy tờ sau: Giấy chứng sinh, giấy khai sinh, hộ chiếu, chứng minh nhân dân, thẻ căn cước công dân, thẻ bảo hiểm y tế.

- Hồ sơ đề nghị hỗ trợ đối với F0 đã kết thúc điều trị tại cơ sở y tế trước ngày Quyết định này có hiệu lực thi hành gồm: Giấy ra viện. Biên nhận thu tiền ăn tại cơ sở y tế đã điều trị. Bản sao một trong các giấy tờ sau: Giấy chứng sinh, giấy khai sinh, hộ chiếu, chứng minh nhân dân, thẻ căn cước công dân, thẻ bảo hiểm y tế.

- Hồ sơ đề nghị hỗ trợ đối với F1 đã kết thúc cách ly tại cơ sở cách ly trước ngày Quyết định này có hiệu lực thi hành hoặc cách ly tại nhà gồm: Quyết định của cơ quan có thẩm quyền về cách ly y tế tại cơ sở cách ly hoặc cách ly tại nhà. Giấy hoàn thành việc cách ly. Bản sao một trong các giấy tờ sau: Giấy chứng sinh, giấy khai sinh, hộ chiếu, chứng minh nhân dân, thẻ căn cước công dân, thẻ bảo hiểm y tế. Biên nhận thu tiền ăn tại cơ sở cách ly đối với người đã kết thúc cách ly tại cơ sở cách ly.

d) Trình tự, thủ tục

- Đối với trường hợp đang điều trị, cách ly tại cơ sở y tế, cơ sở cách ly: Cơ sở y tế, cơ sở cách ly căn cứ vào hồ sơ quy định lập danh sách (*theo mẫu số 08a, 08b ban hành kèm theo Quyết định số 23/2021/QĐ-TTg*) đối với các trường hợp F0, F1 đủ điều kiện hưởng chính sách gửi Ủy ban nhân dân tỉnh. Thời hạn tiếp nhận hồ sơ chậm nhất đến hết ngày 31 tháng 3 năm 2022.

- Đối với trường hợp F0, F1 đã kết thúc điều trị, hoàn thành cách ly tại cơ sở hoặc cách ly tại nhà: Cha, mẹ hoặc người giám hộ hợp pháp của trẻ em, các trường hợp F0, F1 gửi hồ sơ quy định tới Ủy ban nhân dân cấp xã nơi cư trú. Thời hạn tiếp nhận hồ sơ chậm nhất đến hết ngày 31 tháng 01 năm 2022.

Trước ngày 05 và ngày 20 hàng tháng, Ủy ban nhân dân cấp xã tổng hợp, lập danh sách (*Mẫu 8a, 8b kèm theo Quyết định số 23/2021/QĐ-TTg*) đối với trường hợp F0, F1 đủ điều kiện hưởng chính sách, gửi Ủy ban nhân dân cấp huyện.

Trong 02 ngày làm việc, Ủy ban nhân dân cấp huyện tổng hợp, trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh.

- Trong 02 ngày làm việc kể từ ngày nhận được đủ hồ sơ của cơ sở y tế, cơ sở cách ly hoặc Ủy ban nhân dân cấp huyện, Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt danh sách và chỉ đạo thực hiện chi trả hỗ trợ. Trường hợp không phê duyệt, Ủy ban nhân dân tỉnh trả lời bằng văn bản và nêu rõ lý do.

- Cơ sở y tế, cơ sở cách ly, Ủy ban nhân dân cấp xã có trách nhiệm chi trả đầy đủ các chế độ hỗ trợ đối với F0, F1, trẻ em đang điều trị, cách ly theo danh sách được Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt (*theo Mẫu 8c ban hành kèm theo Quyết định số 23/2021/QĐ-TTg*).

e) Cơ quan thực hiện

- Sở Y tế chủ trì đối với trường hợp đang điều trị, cách ly tại cơ sở cách ly.

- Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố chủ trì đối với trường hợp F0, F1 đã kết thúc điều trị, hoàn thành cách ly tại nhà.

- Cơ quan phối hợp: Sở Lao động - Thương binh và Xã hội, Sở Tài chính, Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố và các cơ quan có liên quan.

8. Hỗ trợ viên chức hoạt động nghệ thuật

a) Đối tượng, điều kiện hỗ trợ

Viên chức hoạt động nghệ thuật được hỗ trợ khi có đủ các điều kiện sau:

- Là đạo diễn nghệ thuật, diễn viên, họa sĩ giữ chức danh nghề nghiệp hạng IV.

- Làm việc trong các đơn vị sự nghiệp công lập có chức năng biểu diễn nghệ thuật (không bao gồm các đơn vị nghệ thuật lực lượng vũ trang) bị tạm dừng hoạt động từ 15 ngày trở lên trong thời gian từ ngày 01 tháng 5 năm 2021 đến hết ngày 31 tháng 12 năm 2021 theo yêu cầu của cơ quan nhà nước có thẩm quyền để phòng, chống dịch Covid-19.

b) Mức hỗ trợ và phương thức chi trả

- Mức hỗ trợ: 3.710.000 đồng/người.

- Phương thức chi trả: Trả 01 lần cho người lao động.

c) Hồ sơ, trình tự, thủ tục thực hiện

- Đơn vị sự nghiệp công lập có chức năng biểu diễn nghệ thuật (bao gồm cả đơn vị trực thuộc cơ quan Trung ương) lập Danh sách viên chức hoạt động nghệ thuật bảo đảm điều kiện theo quy định tại kế hoạch này (theo mẫu số 09 ban hành kèm theo Quyết định số 23/2021/QĐ-TTg) gửi Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch. Thời hạn tiếp nhận hồ sơ chậm nhất đến hết ngày 31 tháng 01 năm 2022.

- Trong 03 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được Danh sách theo đề nghị của đơn vị sự nghiệp công lập có chức năng biểu diễn nghệ thuật, Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch tổng hợp, thẩm định, trình Ủy ban nhân dân tỉnh.

- Trong 02 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được Danh sách của Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch, Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành quyết định phê duyệt danh sách và kinh phí hỗ trợ; đồng thời chỉ đạo thực hiện hỗ trợ.

Trường hợp không phê duyệt, Ủy ban nhân dân tỉnh thông báo bằng văn bản và nêu rõ lý do.

e) Cơ quan thực hiện

- Cơ quan chủ trì: Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch.

- Cơ quan phối hợp: Sở Lao động - Thương binh và Xã hội, Sở Tài chính, Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố và các cơ quan có liên quan.

9. Hỗ trợ hướng dẫn viên du lịch

a) Đối tượng, điều kiện hỗ trợ

Hướng dẫn viên du lịch được hỗ trợ khi có đủ các điều kiện sau:

- Có thẻ hướng dẫn viên du lịch theo quy định của Luật Du lịch.
- Có hợp đồng lao động với doanh nghiệp kinh doanh dịch vụ lữ hành hoặc doanh nghiệp cung cấp dịch vụ hướng dẫn du lịch hoặc là hội viên của tổ chức xã hội - nghề nghiệp về hướng dẫn du lịch đối với hướng dẫn viên du lịch quốc tế và hướng dẫn viên du lịch nội địa; có phân công của tổ chức, cá nhân quản lý khu du lịch, điểm du lịch đối với hướng dẫn viên du lịch tại điểm.

b) Mức hỗ trợ và phương thức chi trả

- Mức hỗ trợ: 3.710.000 đồng/người.
- Phương thức chi trả: Trả 01 lần cho người lao động.

c) Hồ sơ đề nghị

- Đề nghị hỗ trợ theo (theo mẫu số 10 phụ lục kèm theo Quyết định số 23/2021/QĐ-TTg);

- Bản sao có chứng thực hoặc bản sao kèm theo bản chính để đối chiếu của một trong các giấy tờ sau: Bản sao hợp đồng lao động với doanh nghiệp kinh doanh dịch vụ lữ hành hoặc doanh nghiệp cung cấp dịch vụ hướng dẫn du lịch có hiệu lực trong khoảng thời gian từ ngày 01 tháng 01 năm 2020 đến thời điểm nộp hồ sơ. Thẻ hội viên của tổ chức xã hội - nghề nghiệp về hướng dẫn du lịch.

d) Trình tự, thủ tục thực hiện

- Hướng dẫn viên du lịch có nhu cầu hỗ trợ gửi hồ sơ đề nghị đến Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch nơi cấp thẻ cho hướng dẫn viên du lịch. Thời hạn tiếp nhận hồ sơ chậm nhất đến hết ngày 31 tháng 01 năm 2022.

- Trong thời hạn 02 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ đề nghị hỗ trợ, Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch thẩm định, lập danh sách đề nghị hỗ trợ trình Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định.

- Trong 02 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được đủ hồ sơ của Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch, Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành quyết định phê duyệt danh sách và kinh phí hỗ trợ, đồng thời chỉ đạo thực hiện hỗ trợ. Trường hợp không hỗ trợ, Ủy ban nhân dân tỉnh thông báo bằng văn bản và nêu rõ lý do.

e) Cơ quan thực hiện

- Cơ quan chủ trì: Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch.
- Cơ quan phối hợp: Sở Lao động - Thương binh và Xã hội, Sở Tài chính và các cơ quan có liên quan.

10. Hỗ trợ hộ kinh doanh

a) Đối tượng, điều kiện hỗ trợ

Hộ kinh doanh được hỗ trợ khi có đủ các điều kiện sau: Có đăng ký kinh doanh, đăng ký thuế. Phải dừng hoạt động từ 15 ngày liên tục trở lên trong thời gian

từ ngày 01 tháng 5 năm 2021 đến ngày 31 tháng 12 năm 2021 theo yêu cầu của cơ quan nhà nước có thẩm quyền để phòng, chống dịch Covid-19.

b) Mức hỗ trợ và phương thức chi trả

- Mức hỗ trợ: 3.000.000 đồng/hộ kinh doanh.
- Phương thức chi trả: Trả 01 lần cho hộ kinh doanh.

c) Hồ sơ, trình tự, thủ tục thực hiện

- Hộ kinh doanh gửi đề nghị hỗ trợ theo (theo mẫu số 11 ban hành kèm theo Quyết định số 23/2021/QĐ-TTg) gửi đến Ủy ban nhân dân cấp xã nơi có địa điểm kinh doanh. Thời hạn tiếp nhận hồ sơ chậm nhất đến hết ngày 31 tháng 01 năm 2022.

- Trong 03 ngày làm việc, Ủy ban nhân dân cấp xã xác nhận về việc tạm ngừng kinh doanh của hộ kinh doanh; niêm yết công khai; tổng hợp, báo cáo gửi Chi cục Thuế.

- Trong 02 ngày làm việc, Chi cục Thuế chủ trì, phối hợp với các cơ quan liên quan thẩm định, gửi Ủy ban nhân dân cấp huyện tổng hợp.

- Trong 02 ngày làm việc, Ủy ban nhân dân cấp huyện rà soát, tổng hợp, trình Ủy ban nhân dân tỉnh.

- Trong 02 ngày làm việc, Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành quyết định phê duyệt danh sách và kinh phí hỗ trợ; đồng thời chỉ đạo thực hiện hỗ trợ. Trường hợp không hỗ trợ, Ủy ban nhân dân tỉnh thông báo bằng văn bản và nêu rõ lý do.

d) Cơ quan thực hiện

- Cơ quan chủ trì: Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố.
- Cơ quan phối hợp: cơ quan Thuế, Sở Tài chính và các cơ quan có liên quan.

11. Hỗ trợ người sử dụng lao động vay vốn để trả lương ngừng việc, trả lương phục hồi sản xuất

a) Điều kiện vay vốn

- Người sử dụng lao động được vay vốn trả lương ngừng việc khi có đủ các điều kiện sau: Có người lao động làm việc theo hợp đồng đang tham gia bảo hiểm xã hội bắt buộc đến tháng liền kề trước thời điểm người lao động ngừng việc, phải ngừng việc từ 15 ngày liên tục trở lên theo quy định khoản 3 Điều 99 Bộ luật Lao động trong thời gian từ ngày 01 tháng 5 năm 2021 đến hết ngày 31 tháng 3 năm 2022. Không có nợ xấu tại tổ chức tín dụng và chi nhánh ngân hàng nước ngoài tại thời điểm đề nghị vay vốn.

- Người sử dụng lao động được vay vốn trả lương cho người lao động khi phục hồi sản xuất, kinh doanh khi có đủ các điều kiện sau:

+ Đối với người sử dụng lao động phải tạm dừng hoạt động do yêu cầu của cơ quan nhà nước có thẩm quyền để phòng, chống dịch Covid-19 trong thời gian từ ngày 01 tháng 5 năm 2021 đến hết ngày 31 tháng 3 năm 2022.

+ Người sử dụng lao động phải tạm dừng hoạt động do yêu cầu của cơ quan nhà nước có thẩm quyền để phòng, chống dịch Covid-19 trong thời gian từ ngày 01 tháng 5 năm 2021 đến hết ngày 31 tháng 3 năm 2022.

Có người lao động làm việc theo hợp đồng đang tham gia bảo hiểm xã hội bắt buộc đến thời điểm đề nghị vay vốn. Có phương án hoặc kế hoạch phục hồi sản xuất, kinh doanh. Không có nợ xấu tại các tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài tại thời điểm đề nghị vay vốn.

+ Đối với người sử dụng lao động hoạt động trong lĩnh vực vận tải, hàng không, du lịch, dịch vụ lưu trú và đưa người lao động Việt Nam đi làm việc ở nước ngoài theo hợp đồng để phục hồi sản xuất, kinh doanh: Có người lao động làm việc theo hợp đồng đang tham gia bảo hiểm xã hội bắt buộc đến thời điểm đề nghị vay vốn. Có phương án hoặc kế hoạch phục hồi sản xuất, kinh doanh. Không có nợ xấu tại tổ chức tín dụng và chi nhánh ngân hàng nước ngoài, đã hoàn thành quyết toán thuế năm 2020 tại thời điểm đề nghị vay vốn.

b) Mức cho vay, thời hạn cho vay, thời hạn giải ngân

- Vay vốn trả lương ngừng việc: Mức cho vay tối đa bằng mức lương tối thiểu vùng đối với số người lao động theo thời gian trả lương ngừng việc thực tế tối đa 03 tháng; thời hạn vay vốn dưới 12 tháng.

- Vay vốn trả lương cho người lao động khi phục hồi sản xuất: Mức cho vay tối đa bằng mức lương tối thiểu vùng đối với người lao động đang làm việc theo hợp đồng lao động. Thời gian hưởng chính sách hỗ trợ tối đa 03 tháng; thời hạn vay vốn dưới 12 tháng.

- Việc giải ngân của Ngân hàng Chính sách xã hội cho người sử dụng lao động đối với các tháng 5, 6, 7 năm 2021 được thực hiện 01 lần; thời hạn giải ngân đến hết ngày 05 tháng 4 năm 2022 hoặc khi giải ngân hết 7.500 tỷ đồng được Ngân hàng Nhà nước Việt Nam cho vay tái cấp vốn tùy theo điều kiện nào đến trước.

c) Hồ sơ, trình tự, thủ tục

- Hồ sơ đề nghị vay vốn gồm: Giấy đề nghị vay vốn (*theo mẫu số 12a, 12b, 12c ban hành kèm Quyết định số 23/2021/QĐ-TTg*). Danh sách người lao động đang tham gia bảo hiểm xã hội (*theo mẫu số 13a, 13b, 13c ban hành kèm theo Quyết định số 23/2021/QĐ-TTg*).

- Bản sao có chứng thực hoặc bản sao kèm theo bản chính để đối chiếu một trong các giấy tờ sau: Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp/Giấy chứng nhận đăng ký Hợp tác xã/hộ kinh doanh; Quyết định thành lập của cơ quan nhà nước có thẩm quyền (nếu có); Giấy phép kinh doanh/Giấy phép hoạt động/Chứng chỉ hành nghề (đối với ngành nghề kinh doanh có điều kiện hoặc pháp luật có quy định); Giấy phép đầu tư/Giấy chứng nhận đầu tư (đối với doanh nghiệp được thành lập bởi nhà đầu tư nước ngoài); Giấy ủy quyền (nếu có). Bản sao văn bản về việc người sử dụng lao động phải tạm dừng hoạt động do yêu cầu của cơ quan nhà nước có thẩm quyền để phòng, chống dịch Covid-19 trong thời gian từ ngày 01 tháng 5 năm

2021 đến hết ngày 31 tháng 3 năm 2022 (đối với vay vốn trả lương phục hồi sản xuất, kinh doanh). Phương án hoặc kế hoạch phục hồi sản xuất, kinh doanh đối với đối tượng quy định tại kế hoạch này. Bản sao thông báo quyết toán thuế thu nhập doanh nghiệp năm 2020 của cơ quan thuế đối với người sử dụng lao động quy định tại kế hoạch này.

- Người sử dụng lao động tự kê khai, lập danh sách, chịu trách nhiệm trước pháp luật về tính chính xác, trung thực đối với số lao động ngừng việc, số lao động làm việc theo hợp đồng đang tham gia bảo hiểm xã hội bắt buộc; phục hồi sản xuất kinh doanh, trả lương cho người lao động; có trách nhiệm hoàn trả vốn vay đầy đủ, đúng hạn cho Ngân hàng Chính sách xã hội và đáp ứng điều kiện vay vốn theo quy định tại kế hoạch này.

- Người sử dụng lao động đề nghị cơ quan bảo hiểm xã hội xác nhận danh sách người lao động đang tham gia bảo hiểm xã hội. Trong 02 ngày làm việc kể từ ngày nhận được danh sách, cơ quan bảo hiểm xã hội xác nhận việc tham gia bảo hiểm xã hội của người lao động, làm căn cứ để Ngân hàng Chính sách xã hội cho vay.

- Người sử dụng lao động gửi hồ sơ đề nghị vay vốn đến Ngân hàng Chính sách xã hội nơi có trụ sở hoặc chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh hoặc nơi cư trú đối với hộ kinh doanh, cá nhân. Thời hạn tiếp nhận hồ sơ đề nghị vay vốn chậm nhất đến hết ngày 25 tháng 3 năm 2022.

- Trong 04 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được đầy đủ hồ sơ đề nghị vay vốn của người sử dụng lao động, Ngân hàng Chính sách xã hội phê duyệt cho vay. Trường hợp không cho vay thì thông báo bằng văn bản nêu rõ lý do đến người sử dụng lao động.

- Trong 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận tái cấp vốn, Ngân hàng Chính sách xã hội thực hiện giải ngân đến người sử dụng lao động.

d) Cơ quan thực hiện

- Cơ quan chủ trì: Chi nhánh Ngân hàng chính sách xã hội tỉnh.

- Cơ quan phối hợp: Sở Lao động - Thương binh và Xã hội, Sở Công Thương, Sở Giao thông vận tải, Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch và các cơ quan có liên quan.

12. Hồ lao động không có giao kết hợp đồng lao động (lao động tự do) và một số đối tượng đặc thù khác

a) Đối tượng, điều kiện hỗ trợ

- Thu gom rác, phế liệu.

- Thợ, phụ hồ; giúp việc nhà; trông giữ trẻ.

- Bóc vác, vận chuyển hàng hoá.

- Xe ôm truyền thống; tài xế lái xe dịch vụ; lái đò ngang - dọc.

- Bán hàng rong.

- Phục vụ, giúp việc trong hoạt động ăn uống, lưu trú, du lịch, trang trại, bảo vệ và dịch vụ nhỏ lẻ.

- Phục vụ, giúp việc trong các cơ sở giáo dục công lập, tư thục.

- Chăm sóc sức khỏe: mát - xa, gội đầu, y học cổ truyền (*Người làm nghề massage, xoa bóp y học, châm cứu không có địa điểm làm việc cố định; người lao động làm thuê tại các hộ kinh doanh có hoạt động massage, xoa bóp y học, châm cứu*).

- Nghề làm đẹp (cắt tóc, làm móng) *không có địa điểm cố định, hoặc làm thuê cho các hộ kinh doanh (cắt tóc, làm móng)*.

- Bán vé số lẻ.

Điều kiện hỗ trợ: Người lao động tự do có thu nhập chính từ ngành, nghề thuộc đối tượng quy định tại Khoản 1 Điều 1 Quyết định số 1793/QĐ-UBND ngày 16/7/2021 của UBND tỉnh phải tạm dừng công việc chính, bị giảm thu nhập dưới 1.500.000 đồng (Một triệu năm trăm ngàn đồng) và có hoàn cảnh khó khăn do ảnh hưởng của đại dịch Covid-19 trong thời gian từ 01/5/2021 đến 31/12/2021 theo Quyết định áp dụng biện pháp phòng, chống dịch Covid-19 của cơ quan có thẩm quyền.

b) Mức hỗ trợ:

- Hỗ trợ một lần 1.500.000 đồng/người cho các đối tượng lao động tự do thuộc các ngành nghề: Thu gom rác, phế liệu; Thợ, phụ hồ; giúp việc nhà; trông giữ trẻ; Bốc vác, vận chuyển hàng hoá; Xe ôm truyền thống; tài xế lái xe dịch vụ; lái đồ ngang - dọc; Bán hàng rong; Phục vụ, giúp việc trong hoạt động ăn uống, lưu trú, du lịch, trang trại, bảo vệ và dịch vụ nhỏ lẻ; Phục vụ, giúp việc trong các cơ sở giáo dục công lập, tư thục; Chăm sóc sức khỏe (mát - xa, gội đầu, y học cổ truyền); Nghề làm đẹp (cắt tóc, làm móng).

- Hỗ trợ 60.000 đồng/người/ngày, (áp dụng cho 15 ngày) cho đối tượng lao động tự do thuộc nghề Bán vé số lẻ và được đảm bảo từ nguồn kinh phí của Công ty TNHH MTV Xổ số Kiến thiết Sóc Trăng (do Chủ tịch Công ty Công ty TNHH MTV Xổ số Kiến thiết Sóc Trăng đề xuất).

c) Hồ sơ và trình tự, thủ tục

- Hồ sơ đề nghị (*Mẫu 14*) gửi Ủy ban nhân dân cấp xã sau ngày 15 hàng tháng. Trường hợp người lao động có nơi thường trú và tạm trú không trong phạm vi một tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương, trường hợp đề nghị hưởng hỗ trợ tại nơi thường trú thì phải có xác nhận của Ủy ban nhân dân cấp xã nơi tạm trú về việc không đề nghị hưởng chính sách này và ngược lại.

- Trong 05 ngày làm việc, Ủy ban nhân dân cấp xã tổ chức rà soát và lập danh sách người lao động đủ điều kiện hưởng hỗ trợ (*Mẫu 15*) với sự tham gia giám sát của đại diện các tổ chức chính trị - xã hội và công khai với cộng đồng dân cư; niêm yết công khai danh sách người lao động đề nghị hỗ trợ trong 02 ngày làm việc; tổng hợp danh sách người lao động đủ điều kiện gửi Ủy ban nhân dân cấp huyện.

- Trong 02 ngày làm việc, Ủy ban nhân dân cấp huyện thẩm định trình Ủy ban nhân dân tỉnh *Mẫu số 16* (thông qua Sở Lao động - Thương binh và Xã hội).

- Trong 03 ngày làm việc, Sở Lao động - Thương binh và Xã hội thẩm định trình Ủy ban nhân dân tỉnh

- Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, phê duyệt danh sách hỗ trợ và kinh phí hỗ trợ; đồng thời chỉ đạo thực hiện chi trả hỗ trợ trong 03 ngày làm việc. Trường hợp không phê duyệt, Ủy ban nhân dân tỉnh trả lời bằng văn bản và nêu rõ lý do.

d) Cơ quan thực hiện

- Cơ quan chủ trì: Sở Lao động - Thương binh và Xã hội.

- Cơ quan phối hợp: Sở Tài chính, Công ty TNHH MTV Xổ số Kiến thiết Sóc Trăng và Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố.

Đề nghị các huyện vào lúc 8 giờ ngày thứ sáu hàng tuần tổng hợp, báo cáo kết quả, tiến độ triển khai thực hiện về Sở Lao động - Thương binh và Xã hội (Phòng Lao động - Tiền lương - Bảo hiểm xã hội) để tổng hợp báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh và Ban Giám đốc Sở.

Trên đây là nội dung hướng dẫn thực hiện về định mức, hồ sơ, thủ tục, thời gian thực hiện các chính sách hỗ trợ người lao động và người sử dụng lao động gặp khó khăn do đại dịch Covid-19 trên địa bàn tỉnh Sóc Trăng, Sở Lao động - Thương binh và Xã hội gửi các ngành, địa phương biết, phối hợp thực hiện./.

Nơi nhận:

- UBND tỉnh (để b/c);
- Các Sở: Tài chính; Y tế; Văn hóa, TT&DL; Giáo dục và Đào tạo; Giao thông vận tải; Công Thương;
- BHXH tỉnh; Cục Thuế tỉnh;
- Ngân hàng CSXH tỉnh;
- UBND & Phòng LĐ-TB&XH huyện, TX, TP;
- BGĐ Sở, các phòng và đơn vị trực thuộc;
- Lưu: VT, LĐTLBHXH.

**KT. GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC**

Mã Chí Thanh